

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST.
Ngày: 15 - 6 - 2020.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;
2. Ông Huỳnh Trung Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Mỏl, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2019/TLST-DS ngày 26/12/2019 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS ngày 27/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Mai Thị B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T - Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trịnh Phước T, sinh năm 1971;

Trần Thị Thu L, sinh năm 1969 (vợ của ông T).

Cùng địa chỉ: ấp F, xã P, huyện T - Đồng Tháp.

Các ông, bà: T, L, B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Mai Thị B trình bày: Vào năm 2019, ông T, bà L nợ của bà nhiều khoản với số tiền 2.008.880.000đồng, bà có mua nền nhà của ông T, bà L 140.000.000đồng và thống nhất cân trừ vào số tiền nợ 70.000.000đồng, nên còn 1.938.880đồng, còn số tiền 70.000.000đồng sau đó 02 bên thống nhất cân trừ tiếp vào nợ 38.000.000đồng, còn 32.000.000đồng thì trả tiền mặt. Ngày 08/5/2019 (nhằm ngày 04/4/2019 Âm), ông T, bà L viết lại biên nhận nợ 1.900.000.000đồng với lãi suất 3%/tháng, nhưng từ đó đến nay không trả vốn và lãi. Do đó khởi kiện yêu cầu số tiền vay gốc 1.938.280.000đồng và tính lãi với mức lãi suất 3%/tháng từ ngày 08/5/2019. Tại phiên tòa, bà B yêu cầu ông T, bà L trả số tiền nợ vay gốc là 1.900.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/5/2019 đến khi xét xử sơ thẩm là 13 tháng với mức lãi suất 01%/tháng. Ngoài ra có yêu cầu Tòa án xem xét lại Quyết định hủy bỏ 01 phần tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2020 để tiếp tục phong tỏa tài sản của ông T, bà L để đảm bảo thi hành án.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trịnh Phước T và Trần Thị Thu L trình bày: năm 2016, vợ chồng có vay của bà B số tiền 200.000.000đồng, trong đó 100.000.000đồng lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay 01 năm; 100.000.000đồng thì trả góp 15 tháng, mỗi tháng 10.000.000đồng. Do không trả đủ số tiền 100.000.000đồng nên chuyển sang trả góp, mỗi tháng 20.000.000đồng, trong quá trình góp hàng tháng thì bà B có đưa thêm tiền vay, theo ông, bà thì số nợ vay chỉ khoảng 400.000.000đồng. Tháng 4/2019 do không có tiền đáo nợ Ngân hàng nên bà B bàn với vợ chồng viết và ký giấy nợ 1.900.000.000đồng để bà B vay tiền người khác, về chia lại trả nợ Ngân hàng, nhưng sau khi vay được tiền thì bà B không thực hiện và kiện đến Tòa án. Qua yêu cầu thì không đồng ý vì vợ chồng chỉ thiếu bà B khoảng 400.000.000đồng.

Về số tiền mua bán nền nhà, hiện bà B còn nợ 11.000.000đồng nhưng không tranh chấp vì bà B thừa nhận, để 02 bên thương lượng sau, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về việc Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà L trả số tiền vay gốc 1.900.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 08/5/2019; Tiếp tục phong tỏa tài sản đối với thửa 1715, 1716 theo

Quyết định số: 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 25/5/2020 đến khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự và bị đơn có địa chỉ tại huyện Tam Nông, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà B là nguyên đơn yêu cầu giám số tiền khởi kiện, chỉ yêu cầu ông T, bà L trả số tiền vay gốc là 1.900.000.000đồng và yêu cầu tính lãi 13 tháng với mức lãi suất 1%/tháng. Xét thấy, sự thay đổi trên là tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho phía bị đơn, nghĩ nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về số tiền nợ mua nền nhà thì 02 bên thống nhất còn nợ 11.000.000đồng, không tranh chấp, để thương lượng, nên không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy: tại phiên tòa, phía bị đơn thừa nhận giấy biên nhận tiền ngày 04/4/2019A1 chính do phía bị đơn viết và ký tên nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là ký và viết nợ 1.900.000.000đồng để cho nguyên đơn đi vay người khác để đưa tiền cho bị đơn trả nợ Ngân hàng, ngoài ra phía bị đơn không đưa ra chứng cứ gì để cho rằng chỉ còn nợ khoảng 400.000.000đồng theo như lời khai đã trình bày.

Bị đơn cũng thừa nhận từ ngày viết biên nhận đến nay cũng không có trả gốc, lãi và cũng không có gặp nguyên đơn để bàn bạc, trao đổi về số tiền đã viết biên nhận, trong khi tại phiên tòa phía nguyên đơn không thừa nhận các lời khai của bị đơn. Do đó, nghĩ cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T, bà L trả cho bà B tiền nợ vay 1.900.000.000 đồng là phù hợp.

Theo lời khai các bên và giấy biên nhận tiền ngày 04/4/2019A1 thể hiện đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất (mức lãi suất ghi 3%/tháng). Tuy nhiên tại phiên tòa, bà B chỉ yêu cầu lãi suất 1%/tháng, với thời gian tính lãi 13 tháng, tính từ ngày viết biên nhận ngày 08/5/2019 (nhằm ngày 04/4/2019A1) đến khi xét xử là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nên chấp nhận. Cách tính lãi như sau: $1.900.000.000đ \times 1\%/tháng \times 13 \text{ tháng} = 247.000.000đ$ đồng.

Do đó, nghĩ nên căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự, để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T, bà L có trách nhiệm liên đới trả cho bà B số tiền vay gốc 1.900.000.000đồng và tiền lãi 247.000.000đồng.

[4] Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: xét thấy tại phiên tòa, bà B có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét lại Quyết định hủy bỏ 01 phần tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2020 nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là quyết định cần phải thay đổi hoặc hủy bỏ, nên căn cứ Điều 141 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 25/5/2020, tại phiên tòa không có khiếu nại, kiến nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Do đó, cần tiếp tục duy trì.

[5] Từ nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông T, bà L có trách nhiệm trả tiền thì phải chịu án phí là 74.940.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 141, 147 và 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Buộc ông Trịnh Phước T và bà Trần Thị Thu L có trách nhiệm liên đới trả 2.147.000.000 đồng tiền nợ vay (trong đó vốn gốc: 1.900.000.000đồng, tiền lãi 247.000.000đồng) cho bà Mai Thị B.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/6/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 04/2020/QĐ-BPKCTT ngày 25/5/2020 (đã bị hủy bỏ 01 phần tài sản bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số: 05/2020/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2020) của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trịnh Phước T và bà Trần Thị Thu L phải liên đới nộp 74.940.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Mai Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà B 38.038.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BH/2018/0005776 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Tam Nông;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Trí Viễn